

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 93/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: ông Phan Văn T, sinh năm: 1972, bà Mai Thị N, sinh năm: 1980; cùng nơi cư trú: thôn C, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: ông Phan Văn T và bà Mai Thị N kết hôn năm 1995, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Tuy nhiên do bị mất giấy chứng nhận kết hôn nên vợ chồng đăng ký kết hôn lại vào năm 2005. Hôn nhân do hai bên tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng sống ở thôn C, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được 25 năm thì phát mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hiểu nhau, không có tiếng nói chung, có những bất đồng về quan điểm, lối sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau, có đánh nhau. Vợ chồng cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả nên đã sống ly thân từ cuối năm 2023. Từ khi sống ly thân đến nay, mỗi người ở một nơi, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau, mạnh ai người đó sống. Nay ông T, bà N đều xác định vợ chồng không còn tình cảm, không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đều yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn giữa ông, bà. Xét yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông T, bà N là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên công nhận.

[2] Về con chung: ông T, bà N xác định vợ chồng có 02 con chung là Phan Thiện Đ, sinh ngày 23/01/1997 và Phan Thiện N1, sinh ngày 07/7/2006, hiện các con đều đã trưởng thành.

[3] Về tài sản chung: ông T, bà N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: ông T, bà N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: ông T, bà N thỏa thuận chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình, thỏa thuận này của ông T, bà N là đảm bảo theo quy định của pháp luật nên công nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: ông Phan Văn T và bà Mai Thị N thỏa thuận thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: con chung là Phan Thiện Đ, sinh ngày 23/01/1997 và Phan Thiện N1, sinh ngày 07/7/2006 (đều đã trưởng thành).

2. Về lệ phí Tòa án: ông Phan Văn T và bà Mai Thị N thỏa thuận chịu 300.000 đồng lệ phí sơ thẩm yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân gia đình (được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí ông T, bà N đã nộp theo biên lai thu số 0009590 ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Di Linh;
- Chi cục THADS huyện Di Linh;
- UBND xã Hòa Nam, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ việc.

THẨM PHÁN

Đoàn Văn Chiến

